

Bản án số: **09/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/02/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Hoàng Việt

2/ Ông Trần Huy Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07/12/2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Văn V), sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2007 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông V không chung thủy, thời gian gần đây còn đánh đập bà L, vì thương con nên bà L ráng chịu đựng. Bà L đã nhiều lần khuyên can nhưng ông V không sửa đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, từ tháng 09/2017 đến nay bà L và ông V không còn chung sống với nhau. Hiện bà L nhận thấy tình cảm với ông V không còn, không thể chung sống với ông V được nữa, nên có nguyện vọng ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung là: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/4/1991; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/6/1993 và Nguyễn Thanh P sinh ngày 27/8/1998, hiện ba người con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Thời gian chung sống bà L và ông V không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay bà Huỳnh Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Ba người con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn. Về con chung ông và bà L có ba người con chung là: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/4/1991; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/6/1993 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/8/1998, hiện ba người con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tôn trọng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng pháp luật và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà L và ông V là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, nhận thấy bà L và ông V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nay bà L yêu cầu được ly hôn và ông V cũng đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật hôn nhân và Gia đình quy định: Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn V chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn, do đó căn cứ quy định nêu trên của pháp luật và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà L với ông V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống bà L, ông V có ba người con chung là: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/4/1991; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/6/1993 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/8/1998, hiện ba người con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, bà L và ông V không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ba người con chung là Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/4/1991; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/6/1993 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/8/1998, đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn V không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006529, ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh